

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt  
khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 194/TTr-STC ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Tờ trình số 19/TTr-STC ngày 22 tháng 02 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá nước sạch sinh hoạt áp dụng cho khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng nước sạch sinh hoạt.

**Điều 2. Giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt khu vực đô thị**

STT	Đối tượng sử dụng nước	Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )
1	Hộ dân cư	7.900
2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	10.400
3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	12.600
4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	14.800
5	Khu công nghiệp Trảng Bàng	8.200

(Mức giá trên là giá bán lẻ và đã bao gồm thuế VAT, chưa bao gồm phí nước thải sinh hoạt)

### Điều 3. Lộ trình điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

### Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 và thay thế Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi khoản 1 và điểm a khoản 3 điều 1 của Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành biểu giá nước sạch sinh hoạt tại đô thị, khu vực nông thôn và nước dùng cho cơ quan hành chính sự nghiệp, khu công nghiệp, đơn vị sản xuất và kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

### Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh và các cá nhân, tổ chức, đơn vị sản xuất kinh doanh có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *nh*

- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, VP *g*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

*g* CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*g*  
Dương Văn Thắng